

CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

A - TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN, GÓI THẦU

1. Về Dự án:

- Tên dự án: Cải tạo mở rộng, sửa chữa Trụ sở Chi nhánh BIDV Trung Sơn Thanh Hóa

- Địa điểm xây dựng: số 117 đường Trần Phú, phường Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

- Chủ đầu tư : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý

- Quy mô và nội dung đầu tư: Cải tạo sửa chữa Trụ sở Chi nhánh BIDV Trung Sơn Thanh Hóa có 5 tầng, diện tích mỗi mặt sàn khoảng 390m² và tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.950m². Sân vườn với diện tích khoảng 696,6m². Chuyển đổi nhà cán bộ nhân viên thành nhà ăn kết hợp với nhà nghỉ cho cán bộ nhân viên với tổng diện tích khoảng 121,4m² (2 tầng). Với quy mô như trên, Trụ sở làm việc mới này hoàn toàn đáp ứng đủ nhu cầu cho một văn phòng làm việc đầy đủ tiện ích hiện đại và tiêu chuẩn sử dụng đối với một trụ sở Chi nhánh của BIDV. Nội dung cụ thể như sau:

+ Phân tháo dỡ:

➤ Sân vườn: tháo dỡ hàng rào, biển đá đề tên biển Trụ sở trước mặt đường Trần Phú, phá bỏ gạch lát sân.

➤ Tòa nhà làm việc: tháo dỡ vách thạch cao phân chia phòng hiện trạng, cửa, vệ sinh, ...

➤ Nhà ăn: phá tường, cạo bỏ lớp sơn ngoài, tháo cửa sổ và cửa đi, ...bóc sàn, tường và thiết bị vệ sinh,...

+ Cải tạo, xây dựng và hoàn thiện:

➤ Hệ thống cửa gỗ, cửa kính, vách ngăn chia, vách gỗ trang trí, giấy dán tường, hệ thống rèm. Hệ thống sàn thảm, gạch, nẹp chân tường, trần thạch cao. Chuyển đổi vị trí cửa kho tiền, xây mới lại khu vệ sinh các tầng,

➤ Các hệ thống kỹ thuật: điện, chiếu sáng, cấp thoát nước, hệ thống mạng lan thoại, hệ thống điều hòa không khí – thông gió, PCCC, camera,...

➤ Bảng biển quảng cáo: hệ thống logo, backdrop, biển hiệu trong và ngoài nhà theo nhận diện thương hiệu của BIDV;

➤ Sân vườn: đá, bồn cây, bệ đá gắn tên Trụ sở Chi nhánh,

➤ Phần trang bị nội thất: Hệ thống bàn quầy giao dịch khách hàng, bàn, ghế làm việc; hệ thống bàn; ghế hội họp, tiếp khách; hệ thống tủ tài liệu, tủ trang trí; Hệ thống kho lưu trữ.... Đáp ứng quy định của BIDV.

➤ Nhà ăn: bổ sung thêm phòng bếp, cải tạo thành nhà ăn. Thay cửa, vách ngăn, vách gỗ trang trí, Hệ thống rèm, sàn gạch, trần thạch cao, ...

2. Tóm tắt gói thầu:

2.1. Phạm vi công việc của gói thầu

Gói thầu số 7 “Thi công xây lắp, cung cấp lắp đặt thiết bị công trình”. Nội dung gói thầu được mô tả chi tiết tại mục quy mô và nội dung đầu tư nêu trên.

2.2. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện gói thầu: 6 tháng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng xây dựng đã ký, trong đó thời gian hoàn thành công tác thi công xây lắp và cung cấp lắp đặt thiết bị là 6 tháng.

B - YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Yêu cầu về kỹ thuật

Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn áp dụng đối với vật tư, vật liệu, thi công, lắp đặt, nghiệm thu xem chi tiết tại quyển Chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo E-HSMT.

II. Yêu cầu về vật tư, vật liệu, thiết bị, đồ nội thất cung cấp và lắp đặt cho công trình

1. Yêu cầu chung

1.1. Tính hợp lệ của vật tư, vật liệu, thiết bị, đồ nội thất và các dịch vụ liên quan

- Tất cả vật liệu, vật tư, thiết bị, đồ nội thất và dịch vụ liên quan được lắp đặt vào công trình phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, thương hiệu (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị, trong đó:

+ “Xuất xứ của vật tư, vật liệu, thiết bị” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi vật tư, vật liệu, thiết bị được khai thác, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.

+ Các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật liệu, vật tư, thiết bị có thể bao gồm: Chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng, vận đơn, tài liệu kỹ thuật liên quan của vật liệu, vật tư thiết bị; tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dịch vụ cung cấp cho gói thầu..

- Tất cả các vật tư, vật liệu, thiết bị dự kiến mua trên thị trường hoặc nhập khẩu, nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tiêu chuẩn của kỹ thuật do nhà sản xuất phát hành hoặc các tài liệu do các cơ quan chức năng cấp theo quy định hiện hành của pháp luật cho các loại vật liệu, vật tư, thiết bị/cụm thiết bị do Nhà thầu đề xuất (Catalogue, chứng chỉ/chứng nhận chất lượng, công bố tiêu chuẩn sản phẩm hoặc kết quả thí nghiệm/kiểm định ...).

- Vật tư, vật liệu, thiết bị/cụm thiết bị Nhà thầu đề xuất phải có các đặc tính kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các sản phẩm tham khảo trong Hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật để đề xuất cho phù hợp.

- Vật liệu, vật tư, thiết bị phải mới 100%, sản xuất từ năm 2026 và sản phẩm phải được sử dụng rộng rãi trên thị trường Việt Nam.

- Phụ kiện phải đồng bộ với vật tư, thiết bị chính, đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ thiết kế và yêu cầu của E-HSMT.

- Đối với vật tư, vật liệu, thiết bị khi vận chuyển đến công trường phải được đóng gói nguyên đai, nguyên kiện theo đúng quy định của nhà sản xuất.

- Thiết bị PCCC phải đáp ứng quy định tại Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/05/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy & cứu hộ cứu nạn và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đối với nội thất đồ rời (gồm Bàn, Ghế, tủ, bàn quây, hộc, Sofa,...) nếu có bản vẽ thiết kế chi tiết thì nhà thầu thực hiện theo thiết kế, trường hợp khác nhà thầu nghiên cứu các mẫu sản phẩm trong Hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật để đề xuất cho phù hợp.

- Đối với vật tư, thiết bị nhà thầu tự sản xuất sản phẩm hoặc liên danh, liên kết để sản xuất thì vật tư, vật liệu để sản xuất thiết bị phải đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, ngoài ra tất cả sản phẩm, chi tiết sản phẩm đều phải được sản xuất tại nhà xưởng có các máy móc, thiết bị cần thiết để sản xuất sản phẩm và phải được TVGS và CĐT nghiệm thu tại nhà xưởng trước khi chuyển đến lắp đặt tại công trường.

- Đối với các chi tiết phải tiến hành chế tạo, lắp đặt tại công trường sẽ phải được TVGS và CĐT chấp thuận.

1.2. Quy định về việc đề xuất vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất

- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ các thông tin theo yêu cầu về vật liệu, vật tư, thiết bị, đồ nội thất lắp đặt theo Mẫu số 18, 19 Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT. CĐT chỉ làm rõ đối với các vật liệu, vật tư, thiết bị, đồ nội thất do Nhà thầu có đề xuất và kê khai theo Mẫu số 18, 19 (trường hợp Nhà thầu không đề xuất thì không được xem xét và đánh giá theo yêu cầu của E-HSMT).

- Đối với một số loại vật tư, vật liệu, thiết bị, đồ nội thất ghi trong Bảng phạm vi cung cấp thiết bị hoặc hồ sơ Bản vẽ thiết kế có ghi rõ tên, chủng loại model, hãng, quốc gia sản xuất thì được hiểu như sau: Vật tư, vật liệu, thiết bị chào thầu có thể là loại đã được ghi trong tiên lượng, bản vẽ hoặc là một loại khác có tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng kỹ thuật, mỹ thuật, kích thước tương đương với loại đó (không được sử dụng cụm từ “tương đương” khi dự thầu).

- Đối với các vật tư, vật liệu, thiết bị, đồ nội thất khác thuộc gói thầu nhưng không quy định tại mục 2 - Yêu cầu cụ thể về vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất dưới đây thì Nhà thầu cần phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể được quy định trong mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc và phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi đưa vào thi công, lắp đặt.

- Nếu loại vật tư, vật liệu, hàng hóa chào thầu được TCG đánh giá là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thì sẽ bị đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật so với yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp Nhà thầu đủ điều kiện để được xếp hạng thứ nhất, CĐT sẽ yêu cầu Nhà thầu đề xuất lại những vật tư, vật liệu, hàng hóa (mà TCG đã đánh giá không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật) để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng đơn giá không lớn hơn giá chào thầu, làm cơ sở để CĐT xem xét khi phê duyệt kết quả LCNT. Việc đề xuất lại những loại vật tư, vật liệu, hàng hóa này không làm thay đổi kết quả/điểm đánh giá về kỹ thuật của nhà thầu.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu nhà thầu có đề nghị thay đổi vật tư, vật liệu, thiết bị đã quy định trong hợp đồng thì CĐT xem xét như sau:

+ Thực hiện theo quy định tại khoản 27 Điều 140 nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ;

+ Trường hợp tại thời điểm thi công, thị trường không có loại sản phẩm đã đề xuất và tính giá trong E-HSMT, Nhà thầu sẽ chỉ được thay đổi khi được CĐT xem xét chấp thuận, khi đó CĐT sẽ duyệt lại đơn giá.

- Trường hợp Nhà thầu ghi không rõ hoặc bỏ sót thông tin dẫn đến việc không đủ cơ sở xác định hoặc dẫn đến việc hiểu sai khác khi xác định chủng loại, nhà sản xuất, mã hiệu sản phẩm, vật tư, thiết bị đã đề xuất hoặc dẫn đến việc các vật tư, thiết bị đưa vào lắp đặt không đồng bộ thì khi bị phát hiện ở bất kỳ giai đoạn nào, Nhà thầu sẽ phải đề xuất lại hoặc phải thi công theo mọi sự chỉ định của Chủ đầu tư mà không được quyền yêu cầu thêm bất kỳ một khoản chi phí nào khác.

- Trường hợp có nội dung nào đó trong các tài liệu của E-HSMT (bao gồm các tài liệu: E-HSMT; Hồ sơ TKBVTC; Chi dẫn kỹ thuật; Thuyết minh thiết kế) do CĐT cung cấp (hoặc mô tả) có sự chưa thống nhất thì Nhà thầu xác định/hiểu theo nội dung của E-HSMT. Trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải đề nghị CĐT làm rõ E-HSMT theo quy định trước khi đề xuất trong E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không đề nghị làm rõ mà tự đề xuất trong E-HSDT và trong quá trình đánh giá E-HSDT, nếu TCG đánh giá nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu sẽ không được phép điều chỉnh.

2. Yêu cầu cụ thể về vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất

Bảng số 01: Danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị, đồ nội thất không yêu cầu đề xuất mã hiệu sản phẩm

STT	Tên vật tư, vật liệu, thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật
I	Son, gạch/đá ốp lát	Theo quy định tại Phụ lục II Quyển CDKT và Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công
1	Đá granite	
2	Đá marble	
II	Nội thất, đồ rời	
3	Giấy dán tường	
4	Tấm aluminum	
5	Sàn vinyl	
6	Sàn gỗ công nghiệp dày 12mm	
7	Gỗ MFC	
8	Laminate	
III	Hệ thống chiếu sáng	
9	Trần xuyên sáng	

Bảng số 02: Danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị và đồ nội thất có yêu cầu đề xuất mã hiệu sản phẩm

STT	Tên vật tư, vật liệu	Yêu cầu kỹ thuật
I	Son, gạch/đá ốp lát	Theo quy định tại Phụ lục II Quyển CDKT và Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công
1	Gạch granite lát nền	

STT	Tên vật tư, vật liệu	Yêu cầu kỹ thuật
II	Vách kính, cửa các loại	
2	Khóa cửa vân tay phòng Phó giám đốc	
3	Khóa cửa vân tay phòng Giám đốc	
III	Hệ thống mạng Lan, Voip, Wifi	
4	Distribution Switch 24 port	
5	Switch 48 port	
6	Switch PoE 24 cổng	
7	Màn hình led P2.5 cố định (bao gồm màn hình + Card thu tín hiệu + Bộ điều khiển màn hình)	
8	Cáp thu tín hiệu + bộ điều khiển màn hình Inputs	
9	Bộ điều khiển màn hình	
IV	Hệ thống điều hòa không khí, thông gió VRV/VRF	
10	Dàn nóng loại tương đương 24 HP	
11	Dàn nóng loại tương đương 30 HP	
12	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 2,8 kW	
13	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 3,6 kW	
14	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 4,5 kW	
15	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 5,6 kW	
16	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 7,1 kW	
17	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 9,0 kW	
18	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 11,2 kW	
19	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 14 kW	
20	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 16 kW	
21	Dàn lạnh âm trần nối ống gió loại tương đương 22,4 kW	
22	Dàn lạnh treo tường thổi loại tương đương 2,8kW	

STT	Tên vật tư, vật liệu	Yêu cầu kỹ thuật
23	Dàn lạnh treo tường thổi loại tương đương 7,1kW	
24	Điều hòa 2 cục loại treo tường 1 chiều Inverter 5,0 kW	
25	Điều hòa 2 cục loại treo tường 1 chiều Inverter 2,7 kW	
26	Bộ điều khiển nối dây	
27	Bộ điều khiển từ xa không dây	
28	Quạt cấp gió tươi loại hướng trục Q : 600 m ³ /h; H: 150 PA	
29	Quạt cấp gió tươi loại hướng trục Q : 1100 m ³ /h; H: 200 PA	
30	Quạt cấp gió tươi loại hướng trục Q : 1400 m ³ /h; H: 200 PA	
31	Quạt cấp gió tươi loại hướng trục Q : 1600 m ³ /h; H: 200 PA	
32	Quạt cấp gió tươi loại hướng trục Q : 1800 m ³ /h; H: 200 PA	
33	Quạt cấp gió tươi loại hướng trục Q : 4000 m ³ /h; H: 200 PA	
V	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	
34	Bơm chữa cháy động cơ điện, trục ngang, lưu lượng tối thiểu 2,5l/s, cột áp tối thiểu 50 mcn	
35	Bơm chữa cháy động cơ diezen, trục ngang, lưu lượng tối thiểu 2,5l/s, cột áp tối thiểu 50 mcn	

3. Tổ chức mặt bằng công trường

Căn cứ E-HSMT và các tài liệu kèm theo, nhà thầu có đề xuất đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Mặt bằng bố trí công trình tạm (Nhà ban chỉ huy, nhà ở công nhân, kho bãi tập kết vật liệu, vật tư, phế thải); Rào chắn, biển báo; Thiết bị thi công. Tổ chức giao thông phục vụ thi công phải đảm bảo không làm gián đoạn hoạt động của tòa nhà và phải có phương án thoát nạn khi xảy ra sự cố (Bao gồm bản vẽ và thuyết minh).
- Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước phải nêu được nguồn cấp điện và tính toán nhu cầu sử dụng điện để phục vụ thi công (thiết bị thi công, chiếu sáng) không bị gián đoạn, nguồn cấp - thoát nước phục vụ thi công không bị gián đoạn (Bao gồm bản vẽ và thuyết minh).

- Thông tin, liên lạc trong quá trình thi công phải có giải pháp thông tin, liên lạc thông suốt giữa các đơn vị như CĐT, Nhà thầu, TVGS, ... trong suốt quá trình thi công.

4. Hệ thống tổ chức nhân sự

Nhà thầu nêu bộ máy quản lý cho gói thầu tại trụ sở (văn phòng của nhà thầu) và tại hiện trường (có sơ đồ và thuyết minh). Trong đó, yêu cầu:

4.1. Sơ đồ tổ chức nhân sự trên công trường

- Sơ đồ phải thể hiện các bộ phận tham gia trên công trường như bộ phận quản lý chung, các tổ đội thi công, các bộ phận quản lý an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Sơ đồ tổ chức phải thể hiện mối quan hệ trực tuyến trên công trường.

4.2. Thuyết minh

Thuyết minh phải nêu được mối quan hệ của bộ phận quản lý chung với các tổ đội, các bộ phận trên công trường và phải nêu đầy đủ nhiệm vụ của cán bộ quản lý (tối thiểu phải bao gồm nhưng không giới hạn các nhiệm vụ như: Quản lý cán bộ, công nhân của nhà thầu, quản lý kỹ thuật, quản lý tiến độ, quản lý khối lượng, quản lý ATLĐ, VSMT, PCCN, an ninh, ...).

5. Yêu cầu về biện pháp thi công chi tiết

Nhà thầu tuân thủ các yêu cầu và quy định về biện pháp thi công chi tiết quy định tại quyển Chỉ dẫn kỹ thuật trong Hồ sơ Chỉ dẫn kỹ thuật được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phê duyệt (kèm theo E-HSMT) và đề xuất biện pháp thi công chi tiết (bao gồm thuyết minh và bản vẽ) cho tối thiểu các công tác như sau:

STT	Tên công tác thi công
1	Công tác thi công ốp, lát gạch
2	Công tác thi công ốp, lát đá
3	Công tác làm trần, vách
4	Công tác thi công cửa
5	Công tác thi công vách kính, cửa nhôm kính
6	Công tác thi công hệ thống điều hòa không khí, lọc không khí
7	Công tác thi công lắp đặt nội thất

6. Yêu cầu về tiến độ thi công

- Có Bảng tổng tiến độ thi công chi tiết tới từng công việc trong hạng mục công việc, bảng tổng tiến độ lập theo sơ đồ ngang, trong đó thể hiện rõ các mốc thời gian cho các giai đoạn thi công: Thi công xây dựng, hoàn thiện, cung cấp và lắp đặt thiết bị, chạy thử và nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Tiến độ phải thể hiện được các điểm dừng kỹ thuật.

- Có biểu đồ nhân lực phù hợp với tiến độ thi công từng hạng mục công việc.

7. Biện pháp bảo đảm chất lượng

7.1. Quản lý về chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị

- Nguồn cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, phải tổ chức kiểm tra, thí nghiệm vật liệu theo quy định, trình TVGS chấp thuận trước khi đưa vào sử dụng tại công trình.

- Nêu các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư: tiếp nhận, lưu kho, bảo quản. Quy trình phải đảm bảo kiểm soát được khối lượng nhập vào công trình và khối lượng vật tư đưa vào thi công. Các biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão,...

- Có biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão.

7.2. Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công xây dựng

- Lập quy trình quản lý chất lượng thi công (bao gồm công tác chuẩn bị, kiểm tra, nghiệm thu) cho các công tác thi công, lắp đặt đã nêu ở mục 5.

7.3. Quản lý tài liệu

Nêu các biện pháp lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật xây dựng và đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hồ sơ, bản vẽ; sổ nhật kí công trình, biên bản thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện, bán thành phẩm xây dựng, biên bản kiểm tra, nghiệm thu hoàn công và các văn bản có liên quan khác đều phải được cập nhật thường xuyên và bảo quản tránh mất mát hư hỏng.

- Các Hồ sơ trên phải được lưu giữ thành hệ thống, phân chia khoa học theo từng hạng mục, từng giai đoạn và thời gian lưu trữ theo quy định của Nhà nước.

- Các tập Hồ sơ yêu cầu có danh mục cụ thể cho các tài liệu bên trong.

7.4. Công tác thí nghiệm

Để phục vụ công tác thí nghiệm trong quá trình thi công, nhà thầu phải cam kết bằng văn bản sẽ đề xuất 01 phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng xây dựng được Bộ Xây dựng công nhận hợp chuẩn.

- Phòng thí nghiệm phải có tài liệu chứng minh được công nhận tối thiểu các phép thử sau:

- + Thử nghiệm cơ lý xi măng;
- + Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng;
- + Thử cốt liệu bê tông và vữa;
- + Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng;
- + Thử nghiệm vữa xây dựng;
- + Thử nghiệm cơ lý gạch xây;
- + Thử nghiệm tại hiện trường;
- + Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông.

- Bộ phận thí nghiệm hiện trường phải có các thiết bị phục vụ các công tác thí nghiệm tại hiện trường, trong đó tối thiểu phải có những thiết bị sau: Thiết bị đo sơ bộ cường độ bê tông; thiết bị đo chính xác đường kính thép, ống thép, thiết bị đo độ dày thép tấm; thiết bị đo cường độ ánh sáng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư có yêu cầu khác về công tác thí nghiệm, Nhà thầu phải bổ sung các thí nghiệm theo yêu cầu đảm bảo chất lượng thi công.

8. Biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trên công trường

8.1. Yêu cầu về quản lý an toàn trên công trường

a. Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động

- Các thiết bị, máy móc sử dụng phải được kiểm định theo quy định, có đủ lý lịch máy và được cấp giấy phép sử dụng theo quy phạm, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và an toàn vận hành. Vị trí tập kết máy xây dựng, đường đi lại của máy thi công phải theo đúng khoảng cách an toàn quy định trong qui phạm về kỹ thuật an toàn xây dựng.

- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động. Toàn bộ công nhân làm việc trên công trường được học nội quy an toàn lao động và được kiểm tra định kỳ.

- Khi làm việc phải đội mũ bảo hộ, mặc quần áo đồng phục, đi giày bảo hộ lao động và đeo kính bảo vệ khi cần thiết. Khi làm việc có chênh lệch về độ cao từ 2m trở lên hoặc chưa đến độ cao đó nhưng dưới chỗ làm việc có các vật chướng ngại nguy hiểm thì phải trang bị dây an toàn cho công nhân hoặc lưới bảo vệ nếu không làm được sàn thao tác có lan can an toàn.

- Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kiểm tra định kỳ về công tác bảo hộ và an toàn lao động, phải mua bảo hiểm và đăng ký tạm trú đầy đủ theo quy định pháp luật.

- Tổ chức giao thông hợp lý, có đầy đủ biển báo công trường theo quy định, luôn có cán bộ để hướng dẫn, cảnh giới người qua lại để không gây ách tắc và đảm bảo an toàn giao thông khu vực thi công.

b. An toàn lao động cho từng công đoạn thi công

Nhà thầu có các biện pháp về kỹ thuật an toàn như: cố định tạm các kết cấu khối lắp ráp, đặt nổi tạm thời, bảo vệ cho chỗ làm việc trên cao, ...

c. An toàn phòng chống cháy nổ trên công trường

- Nhà thầu có giải pháp phòng chống cháy nổ trên công trường. Có thuyết minh quy trình về bảo quản vật liệu dễ cháy nổ (nếu có). Phải dự kiến tất cả những công việc có thể gây nguy hiểm về cháy nổ để đề ra biện pháp phòng cháy, nổ cần thiết và những yêu cầu về bảo quản vật liệu cháy, nổ khi thi công gần những nơi để các vật liệu này.

- Nhà thầu cần đề xuất các biện pháp phòng chống cháy nổ trong và ngoài cho công trình: nội quy; cán bộ chuyên trách; kế hoạch huấn luyện, biện pháp huy động nhân lực, máy móc, thiết bị, kế hoạch phối hợp khi xảy ra sự cố,...

d. An ninh trên công trường

Nhà thầu phải đề xuất biện pháp đảm bảo an ninh, ra vào công trường, quản lý công nhân, thiết bị thi công của nhà thầu tập kết tại công trường và biện pháp bảo vệ các hạng mục hoàn thành, trang thiết bị trên phạm vi mặt bằng do Nhà thầu quản lý.

8.2. Yêu cầu về công tác đảm bảo an toàn cho người và công trình hiện hữu lân cận công trường

Đây là công trình được thi công cải tạo, sửa chữa tại khu vực đông dân cư. Vì vậy, việc bảo vệ an toàn cho người và các hạng mục hiện hữu trong và ngoài tòa nhà là yêu cầu hết sức quan trọng. Nhà thầu khi dự thầu cần đặc biệt chú ý trong công tác tổ chức thi công và bắt buộc phải lập và trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi tiến hành thi công bao gồm:

- Sơ đồ tổ chức giao thông trong công trường cũng như giao thông trong thời gian thi công công trình.
- Biện pháp thi công phải đảm bảo an toàn cho người và các hạng mục công trình hiện hữu trong khu vực tòa nhà BIDV và khu vực lân cận, xung quanh tòa nhà BIDV.
- Thực hiện các biện pháp an toàn khác.
- Có thuyết minh quy trình xử lý tình huống khẩn cấp trên công trường. Bộ phận chịu trách nhiệm xử lý các sự cố; nơi sơ cấp cứu,... tại công trường.

Nhà thầu có văn bản Cam kết đảm bảo an toàn cho tòa nhà hiện hữu và tòa nhà lân cận trong quá trình thi công xây dựng. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về phương án mình đưa ra (kể cả khi phương án nêu ra đã được CĐT chấp thuận) và bồi thường mọi thiệt hại cho các bên liên quan nếu để xảy ra sự cố được xác định do lỗi Nhà thầu.

8.3. Yêu cầu về công tác quản lý vệ sinh môi trường

- Nhà thầu phải có kế hoạch vệ sinh khu vực thi công và vệ sinh toàn công trường: đối với khu vực thi công yêu cầu vệ sinh hàng ngày, đối với công trường yêu cầu vệ sinh hàng tuần.
- Chủ động liên hệ với các cơ quan chức năng/ chủ đầu tư:
- + Thuê vỉa hè phục vụ thi công (nếu cần).
- + Đăng ký sử dụng loại, thời gian, tải trọng, các yêu cầu khác đối với các phương tiện thi công, vận chuyển vật liệu, phế thải,... đảm bảo tiến độ thi công công trình.
- + Xin đầu nối cấp thoát nước; cấp điện phục vụ thi công công trình, ...

Các chi phí thực hiện các công việc nêu trên do nhà thầu thi công tự chi trả.

- Biện pháp giảm thiểu: tiếng ồn; bụi, khói; rung; kiểm soát nước thải các loại; kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hoá chất, phế thải; kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường, ...
- Công tác thoát nước cho công trình: Nước thải thi công trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực phải qua hố thu, lắng đọng bùn đất, phế thải để đơn vị thi công nạo vét thu gom chuyên đến nơi quy định. Không để vật liệu, phế thải xây dựng trôi vào hệ thống thoát nước chung của tòa nhà.

Nhà thầu có Văn bản cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về phương án (an toàn, vệ sinh môi trường) do Nhà thầu đề xuất (kể cả khi phương án nêu ra đã được CĐT chấp thuận) và bồi thường mọi thiệt hại cho các bên liên quan nếu để xảy ra sự cố được xác định do lỗi Nhà thầu.

9. Công tác bảo hành, bảo trì

9.1. Yêu cầu về công tác bảo hành

Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo hành thiết bị lắp đặt cho công trình theo quy định. Thời hạn bảo hành công trình tối thiểu 12 tháng kể từ ngày CĐT, nhà thầu và các bên liên quan ký biên bản nghiệm thu bàn giao gói thầu và đưa vào sử dụng.

Trong giai đoạn bảo hành, trong vòng tối đa là 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo của CĐT (bằng văn bản) nhà thầu bằng chi phí của mình sửa chữa ngay các sai sót. Nếu nhà thầu không tiến hành bảo hành theo cam kết (hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu, được CĐT chấp thuận) thì CĐT có quyền thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện, mọi chi phí được trừ vào chi phí của nhà thầu mà không cần ý kiến chấp thuận của nhà thầu.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của CĐT, Nhà thầu phải lập kế hoạch, biện pháp bảo hành trình CĐT để được chấp thuận và phối hợp thực hiện.

Nhà thầu có quyền từ chối bảo hành trong các trường hợp hư hỏng phát sinh không phải do lỗi của nhà thầu gây ra hoặc do nguyên nhân bất khả kháng.

** Các hình thức cam kết bảo hành: Nhà thầu có Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình với đầy đủ các nội dung trên.*

9.2. Yêu cầu về công tác bảo trì

- Nhà thầu phải có quy trình bảo trì, chu kỳ bảo trì, danh mục kiểm tra cho các loại thiết bị.
- Nhà thầu có thể đề xuất cung cấp gói bảo trì thiết bị, cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thiết bị thay thế, thời gian cung cấp.
- Phương án tài chính dự kiến kèm theo (nếu có).

** Các hình thức cam kết bảo trì: Nhà thầu có Văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo trì công trình với đầy đủ các nội dung trên.*

C - DANH MỤC HỒ SƠ PHÁT HÀNH KÈM THEO E-HSMT

- Hồ sơ TKBVTC hạng mục kiến trúc, kết cấu: file pdf đính kèm.
- Hồ sơ TKBVTC hạng mục kiến trúc, sân vườn: file pdf đính kèm.
- Hồ sơ TKBVTC hạng mục điện, điện nhẹ, ĐHKK...: file pdf đính kèm.
- Hồ sơ TKBVTC hạng mục PCCC: file pdf đính kèm.
- Chỉ dẫn kỹ thuật+ thuyết minh thiết kế + quy trình bảo trì: file pdf đính kèm

Mẫu số 18**DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT LIỆU, THIẾT BỊ KHÔNG YÊU CẦU MÃ HIỆU SẢN PHẨM NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT SỬ DỤNG TRONG HỒ SƠ DỰ THẦU THEO BẢNG SỐ 01**

STT	Tên vật tư, vật liệu, thiết bị	Tên hãng sản xuất (hoặc thương hiệu)	Xuất xứ (Quốc gia/Vùng lãnh thổ)	Tài liệu chứng minh kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				TLCM là catalogue, chứng chỉ/chứng nhận chất lượng ...
2				
3				
...				

Mẫu số 19**DANH MỤC VẬT TƯ, VẬT LIỆU, THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU MÃ HIỆU SẢN PHẨM NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT SỬ DỤNG TRONG HỒ SƠ DỰ THẦU THEO BẢNG SỐ 02**

STT	Tên vật tư, vật liệu, thiết bị	Tên hãng sản xuất (hoặc thương hiệu)	Mã hiệu sản phẩm	Xuất xứ (Quốc gia/Vùng lãnh thổ)	Tài liệu chứng minh kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					TLCM là catalogue, chứng chỉ/chứng nhận chất lượng ...
2					
3					
...					

Ghi chú:

- Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan kèm theo file mềm (định dạng Word hoặc Excel) Mẫu số 18, 19.

- Các file tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của vật tư, vật liệu, thiết bị kèm theo phải được đánh số thứ tự và đặt tên theo các Bảng số 01, 02 Mục II.2, Phần B, Chương V, E-HSMT.

BIỂU ĐỀ XUẤT CHO PHẦN KHỐI LƯỢNG THỪA, THIẾU
(bổ sung cho phần khối lượng thừa, thiếu so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt)

STT	Nội dung Công việc	Đơn vị	Khối lượng mời thầu theo bảng kê hạng mục công việc	Khối lượng Nhà thầu đề xuất			Đơn giá dự thầu	Thành tiền		Ghi chú
				Tính toán đo bóc theo bản vẽ thiết kế	KL thiếu	KL thừa		Đề nghị điều chỉnh tăng	Đề nghị điều chỉnh giảm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)	(7)=(5-4)	(8)	(9)=(6*8)	(10)=(7*8)	(11)
...										
TỔNG CỘNG										

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Nhà thầu chịu trách nhiệm rà soát hồ sơ thiết kế BVTC được duyệt và bảng kê hạng mục công việc Mẫu số 1A chương IV để đề xuất các nội dung sau:

Cột (6): Ghi khối lượng trong bảng kê hạng mục công việc thiếu so với HSTK được nhà thầu phát hiện đề nghị bổ sung.

Cột (7): Ghi khối lượng trong bảng kê hạng mục công việc thừa so với HSTK được nhà thầu phát hiện đề nghị giảm.

Cột (8): là đơn giá dự thầu theo quy định tại Mẫu số 11A chương IV E-HSMT.

Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan kèm theo file mềm (định dạng Word hoặc Excel) Mẫu số 20.